

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1969.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971.

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Cùng tạm trú: Tổ 14A, Khu 3, Ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Phòng trợ Trần Thị Thu H).

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2001, không đăng ký kết hôn. Khi sống chung thì hai bên gia đình đều biết và có tổ chức đám cưới hai bên. Khi sống chung với nhau cả hai đều tự nguyện và thời điểm đó không đăng ký kết hôn là do bà thiếu hiểu biết về pháp luật và không có điều kiện đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới xong thì ông bà về sống với nhau tại xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Sống chung được một thời gian dài, đến năm 2017 thì chuyển về sống chung với nhau ở ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng từ khi chuyển đến xã A thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và không tin tưởng nhau, ông N thường uống rượu về say xỉn và đánh đập bà. Từ tháng 8/2018 đến nay, ông bà không còn sống cùng nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có một con chung tên Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009. Cháu N2 đang sống cùng bà nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang làm công nhân lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 17/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị L chung sống với nhau từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Khi sống chung thì hai bên gia đình đều biết và có tổ chức đám cưới hai bên. Khi sống chung với nhau, cả hai đều tự nguyện và thời điểm đó không đăng ký kết hôn là do ông thiếu hiểu biết về pháp luật và không có điều kiện đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới xong thì ông bà về sống với nhau tại xã TH, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Sống chung được một thời gian dài, đến năm 2017 thì ông bà chuyển về sống chung với nhau ở ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng từ khi chuyển đến xã An Phước thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và không tin tưởng nhau, ông cũng có hành vi uống rượu và cũng có đánh đập bà L. Từ tháng 8/2018 đến nay, ông bà không còn sống cùng nhau và không còn quan tâm đến nhau.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung tên Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009. Cháu N2 có nguyện vọng sống cùng bà L thì ông đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ bà L và ông N chung sống với nhau từ năm năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn nên là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông N.

- + Về con chung: Giao cho bà L tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- + Về nợ chung: Không có.
- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông N chung sống với nhau vào năm 2001, không đăng ký kết hôn. Như vậy, bà L, ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông N là vợ chồng.

[2] Về con chung: bà L và ông N có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009. Hiện nay, cháu N2 đang sống chung với bà L nên khi ly hôn, bà L yêu cầu nuôi dưỡng cháu N2, không yêu cầu ông N không cấp dưỡng nuôi con. **ông N** đề nghị xem xét nguyện vọng của cháu N2, nếu cháu N2 ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Trường hợp cháu N2 ở với bà L thì ông N sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu N2 và cháu N2 có nguyện vọng ở với bà L. Tại phiên tòa, ông N đồng ý giao cháu N2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N2 cho bà L nuôi dưỡng, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 203 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009.

Xử giao cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 24/4/2009 cho bà Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà L và ông N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005093 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (Bà L đã nộp xong án phí).

5. Quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã TH
(huyện CN, tỉnh Cà Mau);
- UBND xã A
(huyện L, tỉnh Đồng Nai)
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

